

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Chương trình dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Quyết định số 02/QĐ-TTg, ngày 05/01/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045, UBND tỉnh Quảng Trị xây dựng Kế hoạch hành động chương trình dinh dưỡng giai đoạn năm 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

Phần thứ nhất:

ĐÁNH GIÁ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC VÀ NHỮNG HẠN CHẾ VỀ CÔNG TÁC DINH DƯỠNG

1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua thực hiện Chiến lược dinh dưỡng giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Quảng Trị, công tác phòng chống duy dinh dưỡng trẻ em được sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền đã đưa các mục tiêu dinh dưỡng vào nhiệm vụ của các ngành, đoàn thể, cũng như mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của các cấp chính quyền nên tỷ lệ suy dinh dưỡng (SDD) trẻ em dưới 5 tuổi giảm đáng kể. Theo số liệu điều tra hàng năm:

| Tỷ lệ SDD trẻ em dưới 5 tuổi | 2017 (%) | 2018 (%) | 2019 (%) | 2020 (%) |
|------------------------------|----------|----------|----------|----------|
| Cân nặng/tuổi | 14,3 | 14,1 | 13,9 | 13,6 |
| Chiều cao/tuổi | 27,1 | 26,2 | 26,0 | 24,7 |
| Cân nặng/chiều cao | 8,7 | 6,5 | 6,4 | 5,7 |

Tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân (Cân nặng/tuổi) trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm bền vững và có xu hướng giảm chậm dần theo từng năm. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi (chiều cao/tuổi) trẻ em dưới 5 tuổi cũng đã giảm bền vững. Tuy nhiên, vẫn có sự chênh lệch giữa các vùng, đặc biệt 2 huyện miền núi Đakrông và Hướng Hóa. Tỷ lệ suy dinh dưỡng cấp tính (Cân nặng/chiều cao) không có biến động nhiều qua hàng năm.

Đối với kết quả giảm tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng, từ năm 2016 - 2020 có trên 99% trẻ được uống vitamin A, trên 90% bà mẹ sau sinh trong một tháng được bổ sung vitamin A. Tỷ lệ bà mẹ mang thai uống viên sắt ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, việc bổ sung vi chất dinh dưỡng trong khẩu phần ăn

chưa được áp dụng phổ biến trong cộng đồng, đặc biệt đối với 2 huyện miền núi Đakrông và Hương Hóa.

Đối với tình trạng thừa cân béo phì, theo kết quả điều tra hằng năm tỷ lệ thừa cân béo phì trẻ em dưới 5 tuổi năm 2017, 2018, 2019, 2020 lần lượt là 3,8%; 3,4%; 5,0% và 4,9%.

Bên cạnh đó, giai đoạn 2016 - 2020 một số công tác dinh dưỡng khác đã được triển khai:

- Chăm sóc dinh dưỡng giai đoạn 1000 ngày đầu đời đã được quan tâm. Dinh dưỡng đầu đời có vai trò quyết định đến sự phát triển tâm vóc, thể lực và chất lượng cuộc sống của người dân.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình y tế khác trong toàn tỉnh nên đã tạo được chuyển biến quan trọng trong lĩnh vực dinh dưỡng.

- Công tác xã hội hoá về dinh dưỡng ngày càng được nâng cao nhờ sự quan tâm phối hợp giữa các cấp Chính quyền, Ban, ngành, Đoàn thể....

2. Các khó khăn, thách thức

Tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em được cải thiện, nhưng hiện nay vẫn phải đối mặt với những nguy cơ, thách thức không nhỏ:

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi vẫn còn khá cao. Đặc biệt tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (thấp còi) ở trẻ em dưới 5 tuổi hiện vẫn ở mức cao. Bên cạnh đó, có sự chênh lệch tỷ lệ SDD giữa các vùng miền núi cao hơn nhiều so với vùng đồng bằng.

- Tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em vẫn cao, đặc biệt ở 2 huyện Hương Hóa và Đakrông. Phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng là yếu tố quan trọng để cải thiện tình trạng SDD thấp còi trẻ em.

- Tình trạng thừa cân - béo phì, rối loạn chuyển hóa và các yếu tố nguy cơ sức khỏe liên quan đến dinh dưỡng đang gia tăng ở cả trẻ em và người trưởng thành, đặc biệt là ở khu vực thành thị.

- Nguy cơ thiếu an ninh lương thực, thực phẩm do thiên tai, bão lũ, hạn hán vẫn xảy ra ở nhiều vùng đồng bằng và miền núi trong toàn tỉnh.

3. Những hạn chế

- Mặc dù đã có sự quan tâm của cấp uỷ đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở nhưng nguồn lực cho hoạt động dinh dưỡng còn hạn hẹp chưa đáp ứng so với yêu cầu. Do vậy kêu gọi việc đầu tư cho dinh dưỡng cần phải tiếp tục trong thời gian tới

- Công tác truyền thông về dinh dưỡng cho cộng đồng mới chỉ tập trung vào đối tượng bà mẹ và trẻ em, chưa thực sự quan tâm đến lứa tuổi khác; phương tiện truyền thông còn thiếu, hình thức chưa đa dạng, tài liệu còn hạn chế.

- Tình hình các bệnh mạn tính có liên quan đến dinh dưỡng ngày càng gia tăng như béo phì, tiểu đường, tim mạch... nên công tác quản lý và biện pháp phòng chống gặp khó khăn.

- Công cụ phục vụ cho công tác thống kê, thu thập số liệu các chỉ số về dinh dưỡng tại các cơ sở y tế chưa đồng bộ, độ chính xác chưa cao nên cần phải bổ sung kịp thời đảm bảo số liệu được chính xác.

Phần thứ hai:

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

CHƯƠNG TRÌNH DINH DƯỠNG TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2021-2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, địa phương, vùng, miền, dân tộc, góp phần giảm thiểu gánh nặng bệnh tật, nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người Việt nam.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Thực hiện chế độ ăn đa dạng, hợp lý và an ninh thực phẩm.

Chỉ tiêu:

- Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng có chế độ ăn bổ sung đúng và đủ đạt 65% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu đảm bảo dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt 60% ở khu vực thành thị và 40% ở khu vực nông thôn vào năm 2025 và phần đầu 90% và 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ bệnh viện tổ chức thực hiện các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp, bệnh lý của người bệnh đạt 90% đối với tuyến tỉnh và 75% đối với tuyến huyện vào năm 2025 và phần đầu 100% đối với tuyến tỉnh; 80% đối với tuyến huyện vào năm 2030.

- Tỷ lệ xã có triển khai tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ có con nhỏ dưới 2 tuổi trong gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe do Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện đạt 50% vào năm 2025 và đạt 75% vào năm 2030.

- Tỷ lệ người trưởng thành tiêu thụ đủ số lượng rau quả hàng ngày đạt 55% vào năm 2025 và đạt 70% vào năm 2030.

- Tỷ lệ hộ gia đình thiếu an ninh thực phẩm mức độ nặng và vừa giảm dưới 8% (khu vực miền núi xuống dưới 25%) vào năm 2025 và dưới 5% (khu vực miền núi dưới 20%) vào năm 2030.

Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em

Chỉ tiêu:

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 23% (khu vực miền núi dưới 25%) vào năm 2025 và dưới 21% (khu vực miền núi dưới 23%) vào năm 2030.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 13% vào năm 2025 và 12% vào năm 2030.

- Tỷ lệ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đạt 50% vào năm 2025 và 60% vào năm 2030.

- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ sớm sau khi sinh đạt mức 75% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

Mục tiêu 3: Kiểm soát thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mạn tính không lây và các yếu tố nguy cơ.

- Tỷ lệ thừa cân béo phì được kiểm soát: trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 10% (khu vực thành phố ở mức dưới 11% và khu vực nông thôn ở mức dưới 5%); trẻ 5-18 tuổi ở mức dưới 19% (khu vực thành phố ở mức dưới 27% và khu vực nông thôn ở mức dưới 13%); người trưởng thành 19-64 tuổi ở mức dưới 20% (khu vực thành phố ở mức dưới 23% và khu vực nông thôn ở mức dưới 17%) vào năm 2025 và duy trì ở mức đó đến năm 2030.

- Lượng muối tiêu thụ trung bình của dân số (15-49 tuổi) giảm xuống 8 gam/ngày vào năm 2025 và dưới 7 gam/ngày vào năm 2030

Mục tiêu 4: Giảm tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu:

- Trên 99% trẻ em dưới 5 tuổi được bổ sung viên nang Vitamin A vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

- Trên 90% bà mẹ sau sinh trong vòng một tháng được bổ sung Vitamin A vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

- Trên 80 % phụ nữ có thai được bổ sung viên sắt/ đa vi chất vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Trên 80% hộ gia đình dùng muối I-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

Mục tiêu 5: Nâng cao khả năng ứng phó dinh dưỡng trong mọi tình huống khẩn cấp và tăng cường nguồn lực thực hiện Chiến lược.

Chỉ tiêu:

- 100% tuyến huyện, thị xã và thành phố có kế hoạch ứng phó, tổ chức đánh giá và triển khai dinh dưỡng đặc hiệu trong tình huống khẩn cấp vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

- 100% tuyến huyện, thị xã và thành phố có phân bổ ngân sách địa phương hàng năm bảo đảm các hoạt động dinh dưỡng theo kế hoạch vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Đưa chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thấp còi, gầy còm, thừa cân béo phì của trẻ dưới 5 tuổi là một trong những chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng địa phương.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về công tác dinh dưỡng từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã; chú trọng việc lồng ghép, phối hợp với các chương trình, dự án có liên quan đến dinh dưỡng.

- Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến dinh dưỡng và khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ.

2. Công tác phối hợp liên ngành và vận động xã hội

- Lồng ghép các Chương trình sữa học đường; Đề án nâng cao tầm vóc người Việt Nam và các chương trình khác như y tế, giáo dục, phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số, nông thôn mới, giảm nghèo, bảo trợ xã hội để bảo đảm tăng nguồn lực đầu tư cho mọi đối tượng cần can thiệp.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ làm công tác dinh dưỡng của các tuyến và các Sở, ban ngành, đoàn thể về kiến thức dinh dưỡng, kỹ năng truyền thông dinh dưỡng và công tác triển khai các hoạt động can thiệp dinh dưỡng.

- Huy động các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia triển khai Chiến lược và hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động dinh dưỡng.

- Tổ chức các hội thảo vận động lãnh đạo, cấp uỷ các huyện/thị xã/thành phố quan tâm chỉ đạo và đầu tư triển khai thực hiện các nội dung dinh dưỡng.

- Nhân rộng ứng dụng các mô hình chăm sóc sức khỏe và cải thiện dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em đã triển khai thí điểm, đánh giá đạt hiệu quả do các Tổ chức, Dự án hỗ trợ.

3. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục dinh dưỡng

- Tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông với các loại hình, phương thức, nội dung phù hợp với từng vùng, miền và từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao hiểu biết, thực hành dinh dưỡng hợp lý đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu vi chất dinh dưỡng, kiểm soát thừa cân - béo phì và các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng cho mọi tầng lớp nhân dân.

- Nâng cao hiệu quả truyền thông, giáo dục, tư vấn về thực hành dinh dưỡng hợp lý theo vòng đời. Chú trọng giáo dục về kỹ năng mềm, tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để hình thành lối sống, thói quen lành mạnh về dinh dưỡng hợp lý.

- Tăng cường thời lượng truyền thông, hướng dẫn về dinh dưỡng hợp lý trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là Đài Truyền hình, Đài Phát thanh, hệ thống kênh phát thanh trực tuyến, mạng xã hội, các nền tảng truyền thông kỹ thuật số.

4. Tăng cường và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng bảo đảm tính bền vững, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách dinh dưỡng và nhân viên y tế thôn bản ở tuyến y tế cơ sở; chuẩn hóa cán bộ làm công tác dinh dưỡng lâm sàng.

- Xây dựng khung chương trình, chuẩn hóa tài liệu đào tạo về dinh dưỡng trong hệ thống trường y. Nâng cao năng lực giảng dạy, đào tạo về dinh dưỡng cho đội ngũ giáo viên của các trường. Nâng cao chất lượng nội dung đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về công tác dinh dưỡng tại cộng đồng, trường học và bệnh viện.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ các bộ, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, tổ chức tôn giáo về triển khai lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng trong các chương trình, đề án.

5. Tăng cường chuyên môn kỹ thuật triển khai can thiệp dinh dưỡng

5.1. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em

- Củng cố và phát triển đội ngũ làm công tác dinh dưỡng bảo đảm tính bền vững, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách dinh dưỡng và nhân viên y tế thôn, bản ở tuyến cơ sở.

- Triển khai hiệu quả các chương trình, dự án và mô hình can thiệp dinh dưỡng thiết yếu như: chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời (chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý và tiếp tục bú mẹ cho trẻ em từ 6 đến 23 tháng);

- Xây dựng các phóng sự và bài tuyên truyền theo các chủ đề dinh dưỡng khác nhau để phát trên đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Quảng Trị và phát trên các loa, đài địa phương.

- Tổ chức các buổi thảo luận nhóm, thực hành dinh dưỡng tại xã, phường/thôn, bản cho bà mẹ có con dưới 2 tuổi, dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng và phụ nữ có thai.

- Điều trị suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em và hỗ trợ dinh dưỡng vùng khó khăn, thiên tai.

- Cung cấp trang thiết bị theo dõi tình trạng dinh dưỡng của trẻ gồm cân, thước đo và sổ theo dõi cho trẻ dưới 5 tuổi.

5.2. Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng

- Triển khai chiến dịch truyền thông “Ngày vi chất dinh dưỡng, ngày 1-2/6” và phổ biến các tài liệu truyền thông về hướng dẫn đa dạng hóa bữa ăn và sử dụng thực phẩm sẵn có để phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng.

- Bổ sung viên nang Vitamin A liều cao 2 lần/năm cho trẻ em 6-60 tháng tuổi, trẻ em dưới 6 tháng tuổi không được bú sữa mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp và phụ nữ trong vòng 1 tháng sau sinh.

- Hướng dẫn, bổ sung viên sắt/ đa vi chất cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú.

5.3. Bảo đảm thực phẩm đủ số lượng, chất lượng và an toàn tại hộ gia đình

- Triển khai chiến dịch truyền thông “Tuần lễ Dinh dưỡng và Phát triển từ ngày 16-23/10”, 10 lời khuyên dinh dưỡng hợp lý...

- Phát triển và triển khai hướng dẫn sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ để cung cấp lương thực thực phẩm an toàn và đảm bảo dinh dưỡng.

- Xây dựng các kế hoạch, mô hình nông nghiệp dinh dưỡng, hướng dẫn tạo nguồn thực phẩm sẵn có, đa dạng và bảo đảm đủ về số lượng và chất lượng bữa ăn tại hộ gia đình, đặc biệt những gia đình có con dưới 5 tuổi; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tự sản xuất lương thực thực phẩm cung cấp cho bữa ăn đủ thành phần dinh dưỡng, đảm bảo tính cân đối.

- Kiểm tra, giám sát thực thi các quy định về thực phẩm bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng trên thị trường.

- Tăng cường hệ thống thực phẩm tại chỗ an toàn, đa dạng, giàu dinh dưỡng và bền vững đáp ứng nhu cầu cho mọi đối tượng tại mọi vùng miền, đặc biệt trong khu vực bị thiên tai, dịch bệnh.

5.4. Kiểm soát tình trạng thừa cân-béo phì và yếu tố nguy cơ của một số bệnh mạn tính không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng

- Lòng ghép truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng và tại cộng đồng về dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực phòng chống thừa cân-béo phì và bệnh không lây nhiễm, ưu tiên truyền thông giảm muối.

- Hướng dẫn về dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực phù hợp với các nhóm đối tượng để phòng chống thừa cân - béo phì và bệnh không lây nhiễm cho người dân.

- Triển khai phòng khám tư vấn và điều trị dinh dưỡng tại các Trung tâm Y tế tuyến tỉnh và huyện.

5.5. Thực hiện hoạt động dinh dưỡng học đường tại trường học

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục dinh dưỡng học đường, giáo dục thể chất và hoạt động thể thao, lồng ghép trong các giờ học chính khóa, hoạt động ngoại khóa và xây dựng các mô hình truyền thông phù hợp.

- Truyền thông và tổ chức truyền thông cho cha mẹ học sinh về dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm có lợi và an toàn cho sức khỏe phòng, chống bệnh không lây nhiễm, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh. Đặc biệt quan tâm đến dinh dưỡng hợp lý cho lứa tuổi tiền dậy thì và dậy thì.

- Duy trì tẩy giun, sán định kỳ tại những vùng có tỷ lệ nhiễm giun, sán cao.

- Triển khai hướng dẫn, tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo tuổi, vùng miền và bảo đảm đa dạng thực phẩm.

- Xây dựng cơ chế phối hợp, liên kết giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em và học sinh.

5.6. Thực hiện hoạt động dinh dưỡng tại bệnh viện

- Triển khai các hướng dẫn chuyên môn về dinh dưỡng điều trị, dinh dưỡng lâm sàng, tiết chế tại các cơ sở khám chữa bệnh.

- Tổ chức truyền thông, tư vấn dinh dưỡng cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân tại cơ sở khám chữa bệnh.

- Triển khai các quy định về dinh dưỡng trong bệnh viện trong bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện.

5.7. Tăng cường hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp

- Xây dựng hợp phần bảo đảm dinh dưỡng vào trong kế hoạch ứng phó với thiên tai thảm họa, dịch bệnh của tỉnh, huyện.

- Nâng cao năng lực ứng phó dinh dưỡng trong tình hình khẩn cấp cho cán bộ các cấp và các ban, ngành liên quan.

- Thực hiện có hiệu quả các hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp ở cả cộng đồng và trong bệnh viện tại các địa bàn bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh.

6. Theo dõi, giám sát và đánh giá dinh dưỡng

- Nâng cao chất lượng giám sát và sử dụng số liệu giám sát dinh dưỡng thường xuyên nhằm hỗ trợ công tác vận động và xây dựng kế hoạch.

- Triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm, đột xuất và giám sát điểm tại tất cả các tuyến từ tuyến tỉnh đến cơ sở.

- Đánh giá thông qua hệ thống thống kê báo cáo của các đơn vị triển khai thực hiện theo bộ chỉ số được thống nhất trên toàn quốc.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết kế hoạch đúng tiến độ và định hướng các hoạt động dinh dưỡng giai đoạn tiếp theo.

III. NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

1. Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành; trong đó ngân sách địa phương được bố trí giao dự toán hằng năm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo khả năng cân đối ngân sách; lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia (*Giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*), chương trình, đề án, dự án trong từng thời kỳ.

2. Đẩy mạnh huy động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho hoạt động dinh dưỡng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Sở Y tế là cơ quan thường trực có trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch hành động về chương trình dinh dưỡng của tỉnh. Căn cứ mục tiêu, nhiệm

vụ tại Kế hoạch này, chủ động lập dự toán ngân sách hằng năm, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ đạo các đơn vị y tế trong tỉnh triển khai các hoạt động về dinh dưỡng trong lĩnh vực được phân công.

- Huy động mọi nguồn lực, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động, định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế.

- Theo dõi, giám sát, tiến độ thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia dinh dưỡng của tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với các Sở, ban ngành địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí lồng ghép nguồn vốn đầu tư phát triển từ các Chương trình dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn để hỗ trợ thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Ngoại vụ: Vận động, huy động, kết nối, thúc đẩy các nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho các hoạt động liên quan đến cải thiện dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em, đặc biệt ưu tiên địa bàn vùng núi, vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế khó khăn.

4. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, căn cứ khả năng ngân sách tỉnh phân bổ hằng năm để bố trí ngân sách thực hiện các chương trình, dự án về dinh dưỡng sau khi được phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương phát triển sản xuất nhằm bảo đảm an ninh lương thực trong mọi tình huống.

- Lồng ghép hoạt động ứng phó dinh dưỡng trong Kế hoạch ứng phó với thiên tai.

- Phối hợp với Sở Y tế thực hiện các hoạt động dinh dưỡng nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em và phụ nữ tuổi sinh đẻ, đặc biệt ở vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn và vùng bị ảnh hưởng biến đổi khí hậu.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó có nội dung về các can thiệp dinh dưỡng giảm thấp còi, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai các chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực dinh dưỡng.

- Lồng ghép các chương trình giáo dục thay đổi hành vi về dinh dưỡng hợp lý và vận động thể lực phù hợp với trẻ em, học sinh trong trường học vì mục đích phát triển trẻ thơ toàn diện.

- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn về dinh dưỡng và vận động thể lực phù hợp cho trẻ em, học sinh, đặc biệt là cho nhóm tuổi tiền dậy thì và dậy thì;

- Tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, triển khai chương trình sữa học đường, tăng cường vận động thể lực cho trẻ em, học sinh;

- Phối hợp với ngành y tế để theo dõi, giám sát tình trạng dinh dưỡng, các can thiệp dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, học sinh trong trường học.

7. Ban Dân tộc

- Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện các hoạt động dinh dưỡng trong Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

- Theo dõi, giám sát và đánh giá thực hiện các hoạt động dinh dưỡng trong các chương trình, đề án, dự án cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

8. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Chủ trì chỉ đạo tăng cường thực hiện các chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật, gắn liền mục tiêu về đảm bảo dinh dưỡng, chú trọng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em đang sinh sống tại các xã biên giới, miền núi, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Đẩy mạnh xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định nhằm bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, hỗ trợ chăm sóc và phát triển toàn diện cho trẻ em liên quan đến dinh dưỡng.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh tuyên truyền và chỉ đạo việc thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, lao động nữ đang mang thai, đang nuôi con nhỏ, lao động tại các khu công nghiệp, người lao động làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Tăng cường lồng ghép triển khai các hoạt động liên quan đến dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em trong các chương trình, đề án đang thực hiện như Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

9. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan để thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm và tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất và cung ứng các sản phẩm dinh dưỡng đặc thù hỗ trợ cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường quản lý về sản xuất, kinh doanh các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe thuộc lĩnh vực quản lý.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

- Sở Thông tin và truyền thông chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí, cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh tuyên truyền sâu rộng mục đích ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của Kế hoạch; xây dựng mới các chuyên trang, chuyên mục; tăng thời lượng phát sóng, đưa tin, bài trên báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống đài truyền thanh cơ sở về chương trình dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan trong việc quản lý quảng cáo các sản phẩm thực phẩm.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030 theo Quyết định số 641/QĐ-TTg, ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo lồng ghép hoạt động vận động thể lực và đảm bảo dinh dưỡng hợp lý với phong trào quần chúng và hoạt động thể thao, văn hóa tại cộng đồng; tăng cường tuyên truyền về lợi ích của hoạt động thể dục thể thao quần chúng đối với sức khỏe, hạn chế quảng cáo các sản phẩm dinh dưỡng không có lợi cho sức khỏe theo quy định.

12. Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh: Phối hợp chặt chẽ với ngành y tế và ủy ban nhân dân các cấp để tuyên truyền, phổ biến kiến thức về dinh dưỡng hợp lý cho các hội viên, các bà mẹ; Vận động hội viên và cộng đồng tích cực tham gia các hoạt động chăm sóc dinh dưỡng, đặc biệt là chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời và bữa ăn gia đình bảo đảm dinh dưỡng hợp lý.

13. Các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội khác

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Người cao tuổi, các Hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội khác: Tổ chức phổ biến các kiến thức về dinh dưỡng hợp lý, tạo nguồn thực phẩm tại chỗ, cải thiện bữa ăn gia đình cho các thành viên, hội viên; phối hợp chặt chẽ với ngành y tế và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện xã hội hóa công tác dinh dưỡng.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động dinh dưỡng và các chương trình, dự án, đề án can thiệp dinh dưỡng trên địa bàn phù hợp với Kế hoạch hành động về chương trình dinh dưỡng của tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người dân hằng năm, đưa các chỉ tiêu dinh dưỡng đặc thù vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện mục tiêu của Kế hoạch tại địa phương. Lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Chương trình dinh dưỡng với các chiến lược, chương trình, đề án, dự án khác có liên quan trên địa bàn.

- Huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương để triển khai thực hiện Kế hoạch; bố trí đủ nhân lực thực hiện công tác dinh dưỡng theo quy định.

- Tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

Yêu cầu các Sở, ban ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KGVXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nam